

Số: /QĐ-UBND

Hà Tĩnh, ngày tháng năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt Điều lệ tổ chức và hoạt động của
Công ty TNHH Một thành viên Thủy lợi Nam Hà Tĩnh

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật chính quyền địa phương;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17/6/2020;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng vốn Nhà nước đầu tư vào sản xuất kinh doanh tại doanh nghiệp ngày 26/11/2014;

Căn cứ Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính phủ về đầu tư vốn Nhà nước vào doanh nghiệp quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp; Nghị định số 32/2018/NĐ-CP ngày 08/3/2018 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 91/2015/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 159/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ về quản lý người giữ chức danh, chức vụ và người đại diện phần vốn Nhà nước tại doanh nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 118/2014/NĐ-CP ngày 17/12/2014 của Chính phủ về sắp xếp, đổi mới và phát triển, nâng cao hiệu quả hoạt động của Công ty nông, lâm nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 36/2021/TT-BTC ngày 26/5/2021 hướng dẫn một số nội dung về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp quy định tại Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015;

Căn cứ Thông tư số 26/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/9/2016 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc hướng dẫn thực hiện quản lý lao động, tiền lương và tiền thưởng đối với người lao động làm việc trong Công ty TNHH MTV do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ; Thông tư số 27/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/9/2016 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc hướng dẫn thực hiện chế độ tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với người quản lý Công ty TNHH MTV do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ;

Theo đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Văn bản số 2868/SKHĐT-ĐKKD ngày 25/10/2021 và Văn bản số 3444/SKHĐT-DNĐT ngày 21/12/2021 (sau khi có ý kiến các Sở, ngành liên quan).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kèm theo Quyết định này Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty TNHH Một thành viên Thủy lợi Nam Hà Tĩnh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ban hành và thay thế Quyết định số 706/QĐ-UBND ngày 12/3/2018 của UBND tỉnh.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài chính, Nội vụ, Lao động - Thương binh và Xã hội; Chủ tịch Hội đồng thành viên, Giám đốc Công ty TNHH Một thành viên Thủy lợi Nam Hà Tĩnh; Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- PCVP Nguyễn Duy Nghị;
- Trung tâm CB-TH tỉnh;
- Lưu: VT, KT₂.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Đặng Ngọc Sơn

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH HÀ TĨNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

ĐIỀU LỆ

Tổ chức và hoạt động của Công ty TNHH Một thành viên Thủy lợi Nam Hà Tĩnh

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày / /2022 của UBND tỉnh)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Giải thích từ ngữ

1. Công ty TNHH Một thành viên Thủy lợi Nam Hà Tĩnh là doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.

2. Vốn Điều lệ của Công ty TNHH Một thành viên Thủy lợi Nam Hà Tĩnh là vốn do Nhà nước đầu tư và được ghi tại Điều lệ này.

3. Sản phẩm của Công ty TNHH một thành viên Thủy lợi Nam Hà Tĩnh là: quản lý, bảo vệ, khai thác tổng hợp công trình thủy lợi, vận hành hệ thống tưới, tiêu nước, phục vụ sản xuất nông nghiệp, cung cấp nước cho dân sinh và các ngành kinh tế; sản xuất kinh doanh nước sạch phục vụ sinh hoạt và sản xuất công nghiệp; trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản; dịch vụ du lịch, nhà nghỉ, nhà hàng ăn uống, tổ chức khu du lịch sinh thái, du thuyền. Dịch vụ tư vấn khảo sát xây dựng, lập dự án đầu tư, báo cáo kinh tế kỹ thuật, thiết kế kỹ thuật, bản vẽ thi công, tổng dự toán; giám sát thi công; tư vấn quản lý dự án, đấu thầu, thẩm tra thiết kế kỹ thuật, bản vẽ thi công, tổng dự toán công trình, gồm: công trình thủy lợi, cấp, thoát nước, nuôi trồng thủy sản, giao thông, dân dụng công nghiệp. Thi công xây dựng các công trình thủy lợi, giao thông, dân dụng công nghiệp, cấp, thoát nước; cung ứng lắp đặt trang thiết bị quản lý, khai thác các công trình thủy lợi; sản xuất và lắp đặt cấu kiện bê tông thủy lợi; khai thác và kinh doanh vật liệu xây dựng, khai thác khoáng sản; kinh doanh dịch vụ phục vụ sản xuất nông nghiệp và sản phẩm nông nghiệp, hàng hóa phục vụ dân sinh; nạo vét, cải tạo, hút lắng đọng vùng lòng hồ chứa và công trình thủy lợi.

4. Tài sản của Công ty TNHH Một thành viên Thủy lợi Nam Hà Tĩnh bao gồm: tài sản cố định (tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình, các khoản đầu tư tài chính dài hạn, chi phí xây dựng cơ bản dở dang và các khoản ký cược, ký quỹ dài hạn); tài sản lưu động (tiền, các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn, các khoản phải thu, hàng tồn kho, tài sản lưu động khác) mà Công ty TNHH Một thành viên Thủy lợi Nam Hà Tĩnh có quyền chiếm hữu, sử dụng và định đoạt theo quy định của pháp luật.

5. Doanh thu là các khoản thu của hoạt động sản xuất kinh doanh, khoản thu hoạt động tài chính, thu nhập khác.

Điều 2. Tên, trụ sở của Công ty

1. Tên Công ty:

a) Tên gọi đầy đủ: Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Thủy lợi Nam Hà Tĩnh (sau đây gọi là Công ty).

b) Tên viết tắt: Công ty TNHH MTV Thủy lợi Nam Hà Tĩnh.

c) Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: Nam Ha Tinh Water resources One member Company limited; (Viết tắt: Nam Ha Tinh WR Co.Ltd)

2. Trụ sở chính Công ty:

a) Địa chỉ: Số 02, đường Nguyễn Huy Tự, phường Bắc Hà, thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh;

b) Điện thoại: 02393.856798; Fax: 023393.856798

c) Email: ctythuyloinamhatinh@gmail.com

d) Website: <http://www.thuyloinamhatinh.vn>

Điều 3. Hình thức Công ty

1. Công ty do UBND tỉnh là cơ quan đại diện chủ sở hữu, hoạt động chính trong lĩnh vực quản lý, bảo vệ, khai thác công trình thủy lợi phục vụ công ích và dịch vụ thủy lợi khác; việc tổ chức, quản lý Công ty theo mô hình Hội đồng thành viên, Kiểm soát viên và Giám đốc.

2. Công ty được thành lập và hoạt động hợp pháp tại Việt Nam, thực hiện các hoạt động kinh doanh theo quy định của pháp luật.

3. Công ty có tư cách pháp nhân kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, có con dấu riêng, có tài khoản bằng tiền Việt Nam và ngoại tệ.

4. Hội đồng thành viên nhân danh Công ty thực hiện quyền, nghĩa vụ của UBND tỉnh.

Điều 4. Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, phạm vi hoạt động

1. Chức năng:

Quản lý, bảo vệ, khai thác hệ thống các công trình thủy lợi, tài nguyên nước, quản lý kinh tế, đảm bảo an toàn và phục vụ sản xuất nông nghiệp, dân sinh và các ngành kinh tế; hệ thống các công trình thủy lợi trong phạm vi phía Nam tỉnh Hà Tĩnh (hệ thống được giao quản lý). Sử dụng các nguồn lực để khai thác tổng hợp, kinh doanh đa mục tiêu, phát huy tối đa hiệu quả công trình, tạo việc làm và nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho người lao động, góp phần phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội của tỉnh.

2. Nhiệm vụ:

a) Thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của Luật Thủy lợi ngày 19/6/2017; Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018 của Chính phủ về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước; Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày

14/5/2018 về quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi; Nghị định số 96/2018/NĐ-CP ngày 30/6/2018 của Chính phủ quy định chi tiết về giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi và hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi; Thông tư số 05/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/5/2018 của Bộ Nông nghiệp và PTNT quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi; Thông tư số 05/2019/TT-BNNPTNT ngày 02/5/2019 của Bộ Nông nghiệp và PTNT quy định chế độ, quy trình bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi; Thông tư số 73/2018/TT-BTC ngày 15/8/2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn sử dụng nguồn tài chính trong quản lý, khai thác công trình thủy lợi sử dụng vốn Nhà nước; Thông tư số 26/2016/TT-BLĐTBH ngày 01/9/2016 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn về thực hiện quản lý lao động, tiền lương và tiền thưởng đối với người lao động làm việc trong Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ; Thông tư số 27/2016/TT-BLĐTBH ngày 01/9/2016 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện quản lý lao động, tiền lương và tiền thưởng đối với người quản lý công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ; Quyết định số 27/2019/QĐ-UBND ngày 22/5/2019 của UBND tỉnh về việc ban hành quy định phạm vi vùng phụ cận đối với công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh.

b) Sử dụng vốn, kinh phí, nguồn lực do Nhà nước giao để cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ công ích và các hoạt động kinh doanh bổ sung theo quy định của pháp luật, nhưng phải bảo đảm việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ chính là hoạt động công ích do Nhà nước giao cho Công ty.

3. Một số nhiệm vụ cụ thể như sau:

a) Quản lý, bảo vệ, khai thác tổng hợp hệ thống các công trình thủy lợi phục vụ dân sinh, kinh tế - xã hội; tiêu thoát nước cho khu vực nông thôn và thành thị trong phạm vi các công trình được giao quản lý;

b) Cung cấp nước tưới, tiêu cho sản xuất nông nghiệp, công nghiệp, thủy sản, cấp nước cho sinh hoạt và các ngành kinh tế;

c) Thực hiện quy hoạch, kế hoạch, dự án đầu tư hệ thống công trình thủy lợi đã được cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền phê duyệt;

d) Quản lý và khai thác có hiệu quả tài nguyên nước, lòng hồ và vùng phụ cận trong phạm vi chỉ giới hành lang bảo vệ công trình hồ chứa nước và các công trình thủy lợi khác;

đ) Duy tu, bảo dưỡng, vận hành công trình; kiểm tra, sửa chữa công trình trước và sau mùa mưa lũ;

e) Làm chủ đầu tư trong việc duy tu, sửa chữa, nâng cấp công trình thủy lợi, cấp, thoát nước và các dự án đầu tư phát triển của doanh nghiệp; duy trì, phát triển năng lực công trình;

f) Xây dựng hoặc tham gia xây dựng quy trình vận hành công trình, quy trình điều tiết nước của hồ chứa nước, quy trình vận hành hệ thống, lập phương án bảo vệ công trình thủy lợi trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt và tổ chức

thực hiện;

g) Quan trắc, theo dõi thu thập các số liệu theo quy định; nghiên cứu tổng hợp và ứng dụng các tiến bộ khoa học, công nghệ vào việc khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi, cấp, thoát nước; lưu trữ hồ sơ khai thác công trình;

h) Bảo vệ chất lượng nước.

4. Quyền hạn:

Thực hiện đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Thủy lợi ngày 19/6/2017; Luật Tài nguyên nước ngày 21/6/2012 và các nghị định, thông tư, quyết định, hướng dẫn có liên quan được quy định tại Khoản 2 Điều này.

Một số quyền cụ thể như sau:

a) Ký kết các hợp đồng với các tổ chức, cá nhân sử dụng nước hoặc làm dịch vụ từ công trình thủy lợi do Công ty quản lý.

b) Thu tiền nước, phí xả nước thải theo hợp đồng.

c) Được Nhà nước cấp kinh phí theo giá dịch vụ công ích thủy lợi theo quy định để đảm bảo vận hành, duy trì và phát triển hệ thống.

d) Phối hợp với các tổ chức, cá nhân và chính quyền cơ sở trong hệ thống huy động lao động công ích để tu bổ, sửa chữa, nâng cấp và xử lý sự cố công trình thủy lợi theo quy định của pháp luật.

e) Kiến nghị chính quyền địa phương nơi có công trình thủy lợi thực hiện các biện pháp cần thiết để đảm bảo an toàn công trình trong trường hợp công trình bị xâm hại hoặc có nguy cơ xảy ra sự cố.

g) Kiến nghị với chính quyền địa phương hoặc yêu cầu Tòa án nhân dân giải quyết trong trường hợp cá nhân, tập thể vi phạm, gây mất an toàn công trình thủy lợi do Công ty quản lý.

h) Tổ chức bộ máy quản lý phù hợp với mục tiêu và nhiệm vụ Nhà nước giao; đặt chi nhánh, văn phòng đại diện theo quy định của pháp luật.

i) Khai thác tổng hợp công trình thủy lợi theo quy định của pháp luật.

k) Các quyền khác theo quy định của pháp luật.

5. Phạm vi hoạt động

a) Hoạt động quản lý khai thác công trình thủy lợi: trên phạm vi 06 huyện, thị và thành phố, gồm: các huyện: Thạch Hà, Cẩm Xuyên, Kỳ Anh, Hương Khê; thị xã Kỳ Anh và thành phố Hà Tĩnh.

b) Các hoạt động khác: Trên phạm vi cả nước.

Điều 5. Ngành nghề, mục tiêu kinh doanh

1. Ngành nghề kinh doanh

a) Quản lý khai thác tổng hợp công trình thủy lợi, vận hành hệ thống tưới, tiêu nước phục vụ sản xuất nông nghiệp, công nghiệp, dân sinh và các ngành

kinh tế; kinh doanh nước sạch.

b) Trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản và các dịch vụ nông nghiệp.

c) Dịch vụ du lịch, nhà nghỉ, nhà hàng ăn uống, bách hóa tổng hợp, cho thuê mặt bằng, văn phòng, tổ chức khu du lịch sinh thái, du thuyền.

d) Tư vấn khảo sát xây dựng, lập báo cáo nghiên cứu khả thi, dự án đầu tư, báo cáo kinh tế kỹ thuật, thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công, dự toán, tổng dự toán; tư vấn giám sát thi công; tư vấn quản lý dự án; tư vấn đấu thầu; thẩm tra báo cáo nghiên cứu khả thi, thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công, dự toán, tổng dự toán các công trình thủy lợi, cấp thoát nước, nuôi trồng thủy sản, giao thông, dân dụng, công nghiệp; lập quy hoạch xây dựng lĩnh vực thủy lợi, cấp thoát nước sạch, nuôi trồng thủy hải sản, nông nghiệp và phát triển nông thôn; lập quy trình vận hành hồ chứa nước, quy trình vận hành, bảo trì công trình và hệ thống công trình thủy lợi; lập phương án ứng phó với thiên tai và phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp (EPP) hồ chứa thủy lợi, thủy điện; lập phương án bảo vệ công trình thủy lợi, phương án cấm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình, mốc chỉ giới phạm vi giải phóng mặt bằng

đ) Đầu tư, xây dựng các công trình thủy lợi, giao thông, dân dụng, công nghiệp, cấp thoát nước; nạo vét, cải tạo, hút lắng đọng vùng lòng hồ chứa và công trình thủy lợi.

e) Cung ứng lắp đặt trang thiết bị quản lý, khai thác các công trình thủy lợi; sản xuất bê tông và lắp đặt cấu kiện bê tông đúc sẵn; khai thác và kinh doanh vật liệu xây dựng, cơ khí, khai thác khoáng sản; kinh doanh dịch vụ phục vụ sản xuất nông nghiệp và sản phẩm nông nghiệp, hàng hóa phục vụ dân sinh.

2. Mục tiêu kinh doanh.

a) Tổ chức quản lý, khai thác và bảo vệ hệ thống công trình thủy lợi do UBND tỉnh giao để phục vụ sản xuất nông nghiệp, công nghiệp, sinh hoạt và các ngành kinh tế, cung cấp nước phục vụ dân sinh trên địa bàn các huyện: Cẩm Xuyên, Thạch Hà, Hương Khê, Kỳ Anh, thị xã Kỳ Anh và thành phố Hà Tĩnh; sử dụng các nguồn lực được Nhà nước giao quản lý để tổ chức có hiệu quả các hoạt động sản xuất kinh doanh đa mục tiêu theo quy định của pháp luật.

b) Đóng góp ngân sách cho Nhà nước và cho sự phát triển kinh tế - xã hội.

c) Giải quyết việc làm và quyền lợi cho người lao động.

d) Tạo ra lợi nhuận để đảm bảo sự tồn tại và phát triển của Công ty.

đ) Ngoài những lợi ích về kinh tế, lợi ích về xã hội còn có lợi ích về môi sinh, môi trường.

Điều 6. Vốn điều lệ và việc tăng giảm vốn điều lệ

1. Vốn điều lệ

Vốn điều lệ đến ngày 31/7/2021: 2.906.213.725.312 đồng (*Hai nghìn chín trăm linh sáu tỷ, hai trăm mười ba triệu, bảy trăm hai mươi lăm nghìn, ba trăm mười hai đồng*).

2. Tăng, giảm vốn điều lệ, phương thức xác định.

a) Tăng, giảm vốn Điều lệ thực hiện theo quy định tại Điều 87 Luật Doanh nghiệp năm 2020.

b) Phương thức xác định vốn Điều lệ tại Mục 2 Chương II Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính phủ (sửa đổi, bổ sung tại Điều 2 Nghị định số 140/2020/NĐ-CP ngày 30/11/2020 của Chính phủ).

Điều 7. Thời gian hoạt động

Công ty hoạt động kể từ ngày cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Thời gian hoạt động và chấm dứt hoạt động của Công ty do Chủ sở hữu quyết định theo các quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 8. Tổ chức Đảng và các tổ chức chính trị - xã hội trong Công ty

1) Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, Công đoàn, Đoàn Thanh niên, Hội Cựu chiến binh, Nữ công...trong Công ty hoạt động theo Hiến pháp, pháp luật và Điều lệ của từng tổ chức đó.

2) Công ty tạo điều kiện để các tổ chức Đảng, tổ chức Công đoàn, Đoàn Thanh niên và các tổ chức chính trị - xã hội khác hoạt động theo quy định của pháp luật, Điều lệ của từng tổ chức và tuân thủ Điều lệ Công ty.

Điều 9. Cơ quan đại diện Chủ sở hữu và đại diện theo pháp luật của Công ty

a) Cơ quan đại diện Chủ sở hữu: Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tĩnh.

Trụ sở: Số 19, đường Nguyễn Tất Thành, thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh.

Điện thoại: (02393) 855581; Fax: (02393) 856141.

b) Người đại diện theo pháp luật của Công ty: Chủ tịch Hội đồng thành viên.

Chương II

QUYỀN HẠN, NGHĨA VỤ CỦA CƠ QUAN ĐẠI DIỆN CHỦ SỞ HỮU

Điều 10. Quyền của Cơ quan đại diện chủ sở hữu

1. Quyết định nội dung Điều lệ; sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty.
2. Quyết định thành lập, mục tiêu, nhiệm vụ và ngành, nghề kinh doanh;
3. Quyết định chiến lược phát triển và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty.

4. Quyết định cơ cấu tổ chức quản lý Công ty; quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, chấp thuận từ chức, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, nghỉ hưu đối với Chủ tịch Hội đồng thành viên, thành viên Hội đồng thành viên, Kiểm soát viên Công ty; đánh giá, phân loại đối với người quản lý của Công ty.

5. Cho ý kiến thống nhất bằng văn bản đối với chức danh Giám đốc trước khi Hội đồng thành viên quyết định về quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, thôi việc, nghỉ hưu.

6. Cho ý kiến đối với chức danh Phó Giám đốc, Kế toán trưởng trước khi Công ty quyết định về quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, thôi việc, nghỉ hưu.

7. Quyết định các dự án đầu tư phát triển.

8. Quyết định các giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ.

9. Thông qua hợp đồng vay, cho vay, bán tài sản và các hợp đồng khác do Điều lệ Công ty quy định có giá trị từ 50% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty.

10. Thông qua báo cáo tài chính của công ty;

11. Quyết định tăng vốn điều lệ của công ty; chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ vốn điều lệ của công ty cho tổ chức, cá nhân khác;

12. Quyết định thành lập công ty con, các đơn vị trực thuộc, góp vốn vào công ty khác.

13. Tổ chức giám sát và đánh giá hoạt động kinh doanh của công ty;

14. Quyết định việc sử dụng lợi nhuận sau khi đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế và các nghĩa vụ tài chính khác của Công ty.

15. Quyết định tổ chức lại, giải thể và yêu cầu phá sản của Công ty.

16. Thu hồi toàn bộ giá trị tài sản của công ty sau khi công ty hoàn thành giải thể hoặc phá sản.

17. Các quyền khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp 2020 và các quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 11. Nghĩa vụ của Cơ quan đại diện chủ sở hữu

1. Góp đủ và đúng hạn vốn điều lệ Công ty. Trường hợp góp không đủ, đúng hạn số vốn đã cam kết thì phải chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty.

2. Tuân thủ Điều lệ Công ty.

3. Phải xác định và tách biệt tài sản của Cơ quan đại diện chủ sở hữu Công ty với tài sản của Công ty.

4. Tuân thủ quy định của pháp luật về hợp đồng và quy định khác của pháp luật có liên quan trong việc mua, bán, vay, cho vay, thuê, cho thuê, hợp đồng, giao dịch khác giữa Công ty và Chủ sở hữu.

5. Đảm bảo quyền tự chủ kinh doanh, tự chịu trách nhiệm theo pháp luật của Công ty, không can thiệp trái pháp luật vào hoạt động kinh doanh của Công ty.

6. Cơ quan đại diện Chủ sở hữu công ty chỉ được rút vốn bằng cách chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ số vốn điều lệ cho tổ chức hoặc cá nhân khác; trường hợp rút một phần hoặc toàn bộ vốn đã góp ra khỏi Công ty dưới hình thức khác thì phải liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty.

7. Cơ quan đại diện Chủ sở hữu công ty không được rút lợi nhuận khi Công ty không thanh toán đủ các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác đến hạn.

8. Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp 2020 và các quy định của pháp luật có liên quan.

Chương III

QUYỀN HẠN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÔNG TY

Điều 12. Quyền hạn của Công ty

1. Sử dụng vốn, kinh phí, nguồn lực do Nhà nước giao để cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ công ích và các hoạt động kinh doanh bổ sung theo quy định của pháp luật, nhưng phải bảo đảm việc thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ chính là hoạt động công ích do Nhà nước giao cho Công ty;

2. Tự do kinh doanh ngành, nghề mà luật không cấm.

3. Tự chủ kinh doanh và lựa chọn hình thức tổ chức kinh doanh; chủ động lựa chọn ngành, nghề, địa bàn, hình thức kinh doanh; chủ động điều chỉnh quy mô và ngành, nghề kinh doanh.

4. Lựa chọn hình thức, phương thức huy động, phân bổ và sử dụng vốn.

5. Tự do tìm kiếm thị trường, khách hàng và ký kết hợp đồng.

6. Kinh doanh xuất khẩu, nhập khẩu.

7. Tuyển dụng, thuê và sử dụng lao động theo quy định của pháp luật về lao động.

8. Chủ động ứng dụng khoa học và công nghệ để nâng cao hiệu quả kinh doanh và khả năng cạnh tranh; được bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ theo quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ.

9. Chiếm hữu, sử dụng, định đoạt tài sản của Công ty.

10. Từ chối yêu cầu của cơ quan, tổ chức, cá nhân về cung cấp nguồn lực không theo quy định của pháp luật.

11. Khiếu nại, tham gia tố tụng theo quy định của pháp luật.

12. Quyền khác theo quy định của pháp luật.

Điều 13. Nghĩa vụ của Công ty

1. Đảm bảo thực hiện đầy đủ, đáp ứng đủ các điều kiện đầu tư, kinh doanh theo quy định của pháp luật khi kinh doanh ngành, nghề có điều kiện; ngành, nghề tiếp cận thị trường có điều kiện đối với nhà đầu tư nước ngoài theo

quy định của pháp luật và bảo đảm duy trì đủ điều kiện đó trong suốt quá trình hoạt động kinh doanh.

2. Bảo toàn và phát triển vốn Nhà nước đầu tư tại Công ty. Mọi biến động về tăng, giảm vốn Nhà nước đầu tư vào Công ty, Công ty phải báo cáo Chủ sở hữu để theo dõi, giám sát.

3. Thực hiện đầy đủ, kịp thời nghĩa vụ về đăng ký doanh nghiệp, đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp, công khai thông tin về thành lập và hoạt động của doanh nghiệp, báo cáo và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp 2020.

4. Chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của thông tin kê khai trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp và các báo cáo; trường hợp phát hiện thông tin đã kê khai hoặc báo cáo thiếu chính xác, chưa đầy đủ thì phải kịp thời sửa đổi, bổ sung các thông tin đó.

5. Tổ chức công tác kế toán, nộp thuế và thực hiện các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật.

6. Bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của người lao động theo quy định của pháp luật; thực hiện các chính sách, chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế và bảo hiểm khác cho người lao động theo quy định của pháp luật.

7. Chịu trách nhiệm trước pháp luật và khách hàng về số lượng, chất lượng, điều kiện cung ứng và giá, phí sản phẩm, dịch vụ cung ứng.

8. Nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Chương IV

TỔ CHỨC, QUẢN LÝ VÀ ĐIỀU HÀNH CÔNG TY

Điều 14. Cơ cấu tổ chức quản lý

1. Công ty tổ chức quản lý theo mô hình Hội đồng thành viên, Kiểm soát viên và Ban giám đốc Công ty. Thành viên Hội đồng thành viên có thể kiêm Giám đốc. Chủ sở hữu bổ nhiệm Hội đồng thành viên, Kiểm soát viên. Hội đồng thành viên nhân danh Công ty thực hiện các quyền, nghĩa vụ của Chủ sở hữu.

2. Cơ cấu tổ chức bộ máy:

a) Hội đồng thành viên.

b) Kiểm soát viên.

c) Ban Giám đốc Công ty: Giám đốc và các phó Giám đốc;

Từ nay đến hết tháng 5/2023 bố trí 04 Phó Giám đốc; giai đoạn sau tháng 5/2023 bố trí không quá 03 Phó Giám đốc.

d) Các phòng chuyên môn:

- Phòng Tổ chức - Hành chính;

- Phòng Tài vụ - Kế toán;
- Phòng Kế hoạch - Kỹ thuật;
- Phòng Quản lý - Khai thác.

đ) Các đơn vị quản lý trực thuộc:

- Ban Quản lý dự án cải thiện nông nghiệp có tưới (WB7);
- Trạm Đầu mối Kẻ Gõ;
- Trạm Thượng Tuy - N2;
- Trạm Bắc Hà;
- Trạm Đầu mối Sông Rác;
- Trạm Đầu mối Kim Sơn - Sông Trí;
- Trạm Mộc Hương - Tàu Voi;
- Trạm Sông Tiêm;
- Trạm Đá Hàn;
- Cụm Kênh chính Kẻ Gõ;
- Cụm N1 Kẻ Gõ;
- Cụm N5-7-9 Kẻ Gõ;
- Cụm N4-6-8 Kẻ Gõ;
- Cụm N1-9 Kẻ Gõ;
- Cụm Sông Rác 1;
- Cụm Sông Rác 2;
- Cụm Sông Rác 3;
- Đội Tư vấn, đầu tư xây dựng công trình và Dịch vụ thương mại.

3. Các đơn vị trực thuộc làm nhiệm vụ cung ứng dịch vụ công ích hoặc sản xuất, kinh doanh và hạch toán báo sổ phụ thuộc; hoạt động sản xuất, kinh doanh theo sự phân cấp, uỷ quyền của Giám đốc Công ty. Chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức và quy mô hoạt động sản xuất, kinh doanh của các đơn vị trực thuộc do Giám đốc Công ty quyết định, sau khi đã có văn bản chấp thuận của Hội đồng thành viên và sẽ được sắp xếp, điều chỉnh cho phù hợp trong từng thời kỳ hoạt động. Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Công ty chịu trách nhiệm trước Giám đốc Công ty, Hội đồng thành viên và pháp luật về các nội dung được phân công, phân cấp hoặc uỷ quyền.

Điều 15. Hội đồng thành viên

1. Hội đồng thành viên nhân danh Công ty thực hiện quyền và nghĩa vụ của Công ty theo quy định của Luật Doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Hội đồng thành viên có ít nhất 03 (ba) người, tối đa không quá 05

(năm) người, thành viên Hội đồng thành viên do UBND tỉnh bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, khen thưởng, kỷ luật.

3. Tiêu chuẩn và điều kiện Chủ tịch Hội đồng thành viên, thành viên Hội đồng thành viên:

a) Không thuộc đối tượng quy định tại Khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp.

b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề hoạt động của Công ty.

c) Không phải là người có quan hệ gia đình của người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan đại diện chủ sở hữu; thành viên Hội đồng thành viên; Giám đốc, Phó Giám đốc và Kế toán trưởng; Kiểm soát viên Công ty.

d) Không phải là người quản lý doanh nghiệp thành viên.

đ) Trừ Chủ tịch Hội đồng thành viên, thành viên khác của Hội đồng thành viên có thể kiêm Giám đốc Công ty.

e) Chưa từng bị cách chức Chủ tịch Hội đồng thành viên, thành viên Hội đồng thành viên, Giám đốc, Phó Giám đốc của doanh nghiệp Nhà nước.

f) Tiêu chuẩn và điều kiện khác quy định tại Điều lệ Công ty.

4. Nhiệm kỳ của Chủ tịch và thành viên khác của Hội đồng thành viên không quá 05 năm. Thành viên Hội đồng thành viên có thể được bổ nhiệm lại. Một cá nhân được bổ nhiệm làm thành viên Hội đồng thành viên không quá 02 nhiệm kỳ tại Công ty, trừ trường hợp đã có trên 15 năm làm việc liên tục tại Công ty trước khi được bổ nhiệm lần đầu.

5. Hội đồng thành viên có quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm sau đây:

a) Quyết định các nội dung theo quy định tại Luật Quản lý, sử dụng vốn Nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại Công ty.

b) Quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể chi nhánh, văn phòng đại diện và các đơn vị hạch toán phụ thuộc sau khi có ý kiến của Chủ sở hữu.

c) Quyết định kế hoạch sản xuất, kinh doanh hàng năm, chủ trương phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ của Công ty (sau khi được Cơ quan đại diện chủ sở hữu phê duyệt).

d) Tổ chức hoạt động kiểm toán nội bộ và quyết định thành lập đơn vị kiểm toán nội bộ của Công ty.

e) Đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định các nội dung sau:

Điều chỉnh vốn điều lệ; sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty; tổ chức lại, chuyển đổi sở hữu, giải thể và yêu cầu phá sản Công ty; bổ nhiệm, miễn nhiệm, từ chức, khen thưởng, kỷ luật đối với Chủ tịch Hội đồng thành viên, thành viên Hội đồng thành viên;

Phê duyệt chiến lược phát triển, kế hoạch đầu tư phát triển 05 năm của Công ty; phê duyệt dự án đầu tư, hợp đồng vay, cho vay, mua, bán tài sản phù

hợp với quy định của Luật quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất kinh doanh tại doanh nghiệp, quy định, hướng dẫn của Chính phủ và quy định của pháp luật có liên quan.

f) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Điều lệ Công ty, Luật Doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan.

g) Thực hiện các trách nhiệm theo quy định tại Điều 18 Thông tư số 26/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/9/2016 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

Điều 16. Chế độ làm việc, điều kiện và thể thức tiến hành họp Hội đồng thành viên

1. Hội đồng thành viên làm việc theo chế độ tập thể; họp ít nhất một lần trong một quý để xem xét, quyết định những vấn đề thuộc quyền, nghĩa vụ của mình. Đối với những vấn đề không yêu cầu thảo luận thì Hội đồng thành viên có thể lấy ý kiến các thành viên bằng văn bản theo quy định tại Điều lệ Công ty. Hội đồng thành viên có thể họp bất thường để giải quyết những vấn đề cấp bách theo yêu cầu của Chủ sở hữu, theo đề nghị của Chủ tịch Hội đồng thành viên hoặc trên 50% tổng số thành viên Hội đồng thành viên hoặc Giám đốc.

2. Chủ tịch Hội đồng thành viên hoặc thành viên được Chủ tịch Hội đồng thành viên ủy quyền có trách nhiệm chuẩn bị chương trình, nội dung tài liệu, triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng thành viên. Các thành viên Hội đồng thành viên có quyền kiến nghị bằng văn bản về chương trình họp. Nội dung và các tài liệu cuộc họp phải gửi đến các thành viên Hội đồng thành viên và người được mời dự họp chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày họp. Tài liệu sử dụng trong cuộc họp liên quan đến việc kiến nghị cơ quan đại diện chủ sở hữu Công ty sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty, thông qua phương hướng phát triển Công ty, thông qua báo cáo tài chính hàng năm, tổ chức lại hoặc giải thể Công ty phải được gửi đến các thành viên chậm nhất là 05 ngày làm việc trước ngày họp.

3. Thông báo mời họp Hội đồng thành viên có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ Công ty quy định và được gửi trực tiếp đến từng thành viên Hội đồng thành viên và người được mời dự họp. Nội dung thông báo mời họp phải xác định rõ thời gian, địa điểm và chương trình họp. Hình thức họp trực tuyến có thể được áp dụng khi cần thiết.

4. Cuộc họp Hội đồng thành viên hợp lệ khi có ít nhất hai phần ba tổng số thành viên Hội đồng thành viên tham dự. Nghị quyết Hội đồng thành viên được thông qua khi có hơn một nửa tổng số thành viên tham dự biểu quyết tán thành; trường hợp có số phiếu ngang nhau thì nội dung có phiếu tán thành của Chủ tịch Hội đồng thành viên hoặc người được Chủ tịch Hội đồng thành viên ủy quyền chủ trì cuộc họp là nội dung được thông qua. Thành viên Hội đồng thành viên có quyền bảo lưu ý kiến của mình và kiến nghị lên Chủ sở hữu.

5. Trường hợp lấy ý kiến các thành viên Hội đồng thành viên bằng văn

bản thì nghị quyết Hội đồng thành viên được thông qua khi có hơn một nửa tổng số thành viên Hội đồng thành viên tán thành. Nghị quyết có thể được thông qua bằng cách sử dụng nhiều bản sao của cùng một văn bản nếu mỗi bản sao đó có ít nhất một chữ ký của thành viên Hội đồng thành viên.

6. Căn cứ vào nội dung và chương trình cuộc họp, khi xét thấy cần thiết, Hội đồng thành viên mời đại diện có thẩm quyền của cơ quan, tổ chức có liên quan tham dự và thảo luận các vấn đề cụ thể trong chương trình cuộc họp. Đại diện cơ quan, tổ chức được mời dự họp có quyền phát biểu ý kiến nhưng không tham gia biểu quyết. Các ý kiến phát biểu của đại diện được mời dự họp được ghi đầy đủ vào biên bản của cuộc họp.

7. Nội dung các vấn đề thảo luận, các ý kiến phát biểu, kết quả biểu quyết, các nghị quyết được Hội đồng thành viên thông qua và kết luận của các cuộc họp Hội đồng thành viên phải được ghi biên bản. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính chính xác và tính trung thực của biên bản họp Hội đồng thành viên. Biên bản họp Hội đồng thành viên phải được thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Biên bản phải bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Thời gian, địa điểm, mục đích, chương trình họp; danh sách thành viên dự họp; vấn đề được thảo luận và biểu quyết; tóm tắt ý kiến phát biểu của thành viên, đại diện được mời dự họp về từng vấn đề thảo luận;

b) Số phiếu biểu quyết tán thành và không tán thành đối với trường hợp không áp dụng phương thức bỏ phiếu trắng; số phiếu biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với trường hợp áp dụng phương thức bỏ phiếu trắng;

c) Các quyết định được thông qua;

d) Họ, tên, chữ ký của thành viên dự họp.

8. Hội đồng thành viên có quyền yêu cầu Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng và người quản lý Công ty cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động của Công ty theo quy chế thông tin do Hội đồng thành viên quy định hoặc theo nghị quyết Hội đồng thành viên. Người được yêu cầu cung cấp thông tin phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của Hội đồng thành viên, trừ trường hợp Hội đồng thành viên có quyết định khác.

9. Hội đồng thành viên sử dụng bộ máy quản lý, điều hành, bộ phận giúp việc của Công ty để thực hiện nhiệm vụ của mình.

10. Chi phí hoạt động của Hội đồng thành viên, tiền lương, phụ cấp và thù lao được tính vào chi phí quản lý Công ty.

11. Trường hợp cần thiết, Hội đồng thành viên tổ chức việc lấy ý kiến chuyên gia tư vấn trong nước và nước ngoài trước khi quyết định vấn đề quan trọng thuộc thẩm quyền của Hội đồng thành viên. Chi phí lấy ý kiến chuyên gia tư vấn được quy định tại quy chế quản lý tài chính của Công ty.

12. Nghị quyết Hội đồng thành viên có hiệu lực kể từ ngày được thông qua hoặc từ ngày có hiệu lực ghi trong nghị quyết, trừ trường hợp phải được UBND tỉnh chấp thuận.

Điều 17. Chủ tịch Hội đồng thành viên

1. Chủ tịch Hội đồng thành viên do Chủ sở hữu bổ nhiệm theo quy định của pháp luật. Chủ tịch Hội đồng thành viên không được kiêm Giám đốc Công ty và doanh nghiệp khác.

2. Chủ tịch Hội đồng thành viên có quyền, nghĩa vụ sau:

a) Xây dựng kế hoạch hoạt động hàng quý và hàng năm của Hội đồng thành viên.

b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu cuộc họp Hội đồng thành viên hoặc lấy ý kiến các thành viên Hội đồng thành viên.

c) Triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng thành viên hoặc tổ chức việc lấy ý kiến các thành viên Hội đồng thành viên.

d) Tổ chức thực hiện quyết định của UBND tỉnh và nghị quyết Hội đồng thành viên.

đ) Tổ chức giám sát, trực tiếp giám sát và đánh giá kết quả thực hiện mục tiêu chiến lược, kết quả hoạt động của Công ty, kết quả quản lý, điều hành của Giám đốc Công ty.

e) Tổ chức công bố, công khai thông tin về Công ty theo quy định của pháp luật; chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, kịp thời, chính xác, trung thực và tính hệ thống của thông tin được công bố.

f) Thay mặt Hội đồng thành viên ký các quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng thành viên;

g) Trước 06 tháng tính đến thời điểm nghỉ hưu theo quy định tại Khoản 1 Điều 74 Nghị định 159/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ, Chủ tịch Hội đồng thành viên ra thông báo nghỉ hưu đối với thành viên Hội đồng thành viên, Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng.

h) Thực hiện các trách nhiệm theo quy định tại Điều 20 Thông tư số 27/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/9/2016 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

i) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Điều lệ Công ty, Luật Doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan.

3. Ngoài trường hợp quy định tại Điều 94 của Luật Doanh nghiệp, Chủ tịch Hội đồng thành viên có thể bị miễn nhiệm, cách chức nếu không thực hiện được quyền và nghĩa vụ quy định tại Khoản 2 Điều này.

Điều 18. Quyền và nghĩa vụ của các thành viên Hội đồng thành viên

1. Tham gia cuộc họp Hội đồng thành viên, thảo luận, kiến nghị, biểu quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng thành viên.

2. Kiểm tra, xem xét, tra cứu, sao chép hoặc trích lục sổ ghi chép và theo dõi hợp đồng, các giao dịch, sổ kế toán, báo cáo tài chính hàng năm, sổ biên bản họp Hội đồng thành viên, các giấy tờ và tài liệu khác của Công ty.

3. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp 2020, pháp luật có liên quan và Điều lệ Công ty.

Điều 19. Trách nhiệm của Chủ tịch Hội đồng thành viên và thành viên khác của Hội đồng thành viên

1. Tuân thủ Điều lệ Công ty, quyết định của UBND tỉnh và quy định của pháp luật.

2. Thực hiện quyền và nghĩa vụ một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm tối đa lợi ích hợp pháp của Công ty và Nhà nước.

3. Trung thành với lợi ích của Công ty và Nhà nước; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

4. Chấp hành nghị quyết Hội đồng thành viên.

5. Chịu trách nhiệm cá nhân khi thực hiện các hành vi sau đây:

- a) Lợi dụng danh nghĩa Công ty thực hiện hành vi vi phạm pháp luật;
- b) Tiến hành kinh doanh hoặc giao dịch khác không nhằm phục vụ lợi ích của Công ty và gây thiệt hại cho tổ chức, cá nhân khác;
- c) Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn khi nguy cơ rủi ro tài chính có thể xảy ra đối với Công ty.

6. Trường hợp thành viên Hội đồng thành viên phát hiện thành viên Hội đồng thành viên khác có hành vi vi phạm trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì có trách nhiệm báo cáo bằng văn bản với cơ quan đại diện chủ sở hữu; yêu cầu thành viên vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và khắc phục hậu quả.

Điều 20. Kiểm soát viên

1. UBND tỉnh bổ nhiệm Kiểm soát viên với nhiệm kỳ không quá 05 năm và được bổ nhiệm lại nhưng không quá 02 nhiệm kỳ tại Công ty. Kiểm soát viên chịu trách nhiệm trước pháp luật và Chủ sở hữu về thực hiện các quyền và nhiệm vụ của mình.

2. Tiêu chuẩn và điều kiện đối với Kiểm soát viên

a) Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của Công ty và có ít nhất 03 năm kinh nghiệm làm việc;

b) Không được là người quản lý Công ty và người quản lý tại doanh nghiệp khác; không được là Kiểm soát viên của doanh nghiệp không phải là doanh nghiệp Nhà nước; không phải là người lao động của Công ty;

c) Không phải là người có quan hệ gia đình của người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan đại diện chủ sở hữu Công ty; thành viên Hội đồng thành viên của Công ty; Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng;

3. Kiểm soát viên có các nghĩa vụ sau đây:

a) Giám sát việc tổ chức thực hiện chiến lược phát triển, kế hoạch kinh doanh;

b) Giám sát, đánh giá thực trạng hoạt động kinh doanh, thực trạng tài chính của Công ty;

c) Giám sát và đánh giá việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của thành viên Hội đồng thành viên và Hội đồng thành viên, Giám đốc Công ty;

d) Giám sát, đánh giá hiệu lực và mức độ tuân thủ quy chế kiểm toán nội bộ, quy chế quản lý và phòng ngừa rủi ro, quy chế báo cáo, quy chế quản trị nội bộ khác của Công ty;

đ) Giám sát tính hợp pháp, tính hệ thống và trung thực trong công tác kế toán, sổ sách kế toán, trong nội dung báo cáo tài chính, các phụ lục và tài liệu liên quan;

e) Giám sát hợp đồng, giao dịch của Công ty với các bên có liên quan;

g) Giám sát thực hiện dự án đầu tư lớn; hợp đồng, giao dịch mua, bán; hợp đồng, giao dịch kinh doanh khác có quy mô lớn; hợp đồng, giao dịch kinh doanh bất thường của Công ty;

h) Lập và gửi báo cáo đánh giá, kiến nghị về nội dung quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e và g khoản này cho cơ quan đại diện chủ sở hữu và Hội đồng thành viên;

i) Thực hiện nghĩa vụ khác theo yêu cầu của cơ quan đại diện chủ sở hữu, quy định tại Điều lệ Công ty.

4. Quyền của Kiểm soát viên

a) Tham gia các cuộc họp Hội đồng thành viên, các cuộc tham vấn, trao đổi chính thức và không chính thức của cơ quan đại diện chủ sở hữu với Hội đồng thành viên; chất vấn Hội đồng thành viên, thành viên Hội đồng thành viên, Giám đốc về kế hoạch, dự án, chương trình đầu tư phát triển và các quyết định khác trong quản lý, điều hành Công ty.

b) Xem xét sổ sách kế toán, báo cáo, hợp đồng, giao dịch và tài liệu khác của Công ty; kiểm tra công việc quản lý, điều hành của Hội đồng thành viên, thành viên Hội đồng thành viên, Giám đốc khi xét thấy cần thiết hoặc theo yêu cầu của cơ quan đại diện chủ sở hữu.

c) Yêu cầu Hội đồng thành viên, thành viên Hội đồng thành viên, Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng và người quản lý khác báo cáo, cung cấp thông tin trong phạm vi quản lý và hoạt động đầu tư, kinh doanh của Công ty.

5. Trách nhiệm của Kiểm soát viên

a) Tuân thủ pháp luật, Điều lệ Công ty, quyết định của cơ quan đại diện chủ sở hữu và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện quyền và nghĩa vụ của Kiểm soát viên.

b) Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất để bảo vệ lợi ích của Nhà nước, Công ty và lợi ích hợp pháp của các bên tại Công ty.

c) Trung thành với lợi ích của Nhà nước và Công ty; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

d) Trường hợp vi phạm trách nhiệm quy định tại Điều này mà gây thiệt hại cho Công ty thì Kiểm soát viên phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó; tùy theo tính chất, mức độ vi phạm và thiệt hại còn có thể bị xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật; hoàn trả lại cho Công ty mọi thu nhập và lợi ích có được do vi phạm trách nhiệm quy định tại Điều này.

e) Báo cáo kịp thời cho cơ quan đại diện chủ sở hữu và cá nhân có liên quan, đồng thời yêu cầu cá nhân đó chấm dứt hành vi vi phạm và khắc phục hậu quả trong trường hợp sau đây:

- Phát hiện có thành viên Hội đồng thành viên, Giám đốc hoặc người quản lý khác làm trái quy định về quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của họ hoặc có nguy cơ làm trái quy định đó;

- Phát hiện hành vi vi phạm pháp luật, trái quy định Điều lệ Công ty hoặc quy chế quản trị nội bộ Công ty.

- Trách nhiệm khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

f) Các trách nhiệm quy định tại Điều 19 Thông tư số 27/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/9/2016 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và quy định tại Điều 21 Thông tư số 27/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/9/2016 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

6. Tiền lương, thù lao, tiền thưởng của Kiểm soát viên:

a) Tiền lương, thù lao, tiền thưởng của Kiểm soát viên được xác định trên cơ sở mức độ hoàn thành nhiệm vụ, hiệu quả hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp;

b) Tiền lương, thù lao, tiền thưởng của Kiểm soát viên do cơ quan đại diện chủ sở hữu, cơ quan Nhà nước có thẩm quyền quyết định và chi trả.

Điều 21. Giám đốc Công ty

1. Giám đốc do Hội đồng thành viên bổ nhiệm sau khi có ý kiến thống nhất bằng văn bản của Chủ sở hữu, với nhiệm kỳ không quá 05 năm để điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty. Giám đốc chịu trách nhiệm trước pháp luật, UBND tỉnh và Hội đồng thành viên về thực hiện các quyền và nhiệm vụ của mình.

2. Giám đốc có nhiệm vụ điều hành các hoạt động hàng ngày của Công ty và có các quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm sau đây:

a) Tổ chức thực hiện và đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch, phương án kinh doanh, kế hoạch đầu tư của Công ty

b) Tổ chức thực hiện và đánh giá kết quả thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng thành viên và của Chủ sở hữu;

c) Quyết định các vấn đề liên quan đến hoạt động kinh doanh hằng ngày của công ty;

d) Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của công ty sau khi có ý kiến chấp thuận của Hội đồng thành viên hoặc quyết định đầu tư của cấp có thẩm quyền đối với các dự án do Công ty làm chủ đầu tư;

đ) Ban hành quy chế quản lý nội bộ của Công ty đã được Hội đồng thành viên chấp thuận;

đ) Ký hợp đồng, giao dịch nhân danh Công ty, trừ trường hợp thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Hội đồng thành viên Công ty;

e) Lập Kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm, báo cáo tài chính hàng năm của Công ty thông qua Hội đồng thành viên trước khi trình cơ quan có thẩm quyền; lập báo cáo tài chính hàng quý theo quy định;

f) Bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, thôi việc, nghỉ hưu đối với người quản lý Công ty, trừ chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng thành viên;

g) Quyết định về quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, thôi việc, nghỉ hưu đối với Trưởng, phó các phòng, ban, trạm, cụm, đội.

h) Tuyển dụng lao động;

i) Lập và trình Hội đồng thành viên báo cáo định kỳ hàng quý, hàng năm về kết quả thực hiện mục tiêu kế hoạch kinh doanh và báo cáo tài chính hàng năm;

k) Kiến nghị phương án tổ chức lại Công ty;

l) Kiến nghị phương án sử dụng lợi nhuận hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh

l) Rà soát lại hoặc xây dựng mới định mức lao động, kế hoạch lao động, đánh giá tình hình sử dụng lao động; xây dựng và ban hành quy chế tuyển dụng, sử dụng lao động và tổ chức tuyển dụng lao động theo quy định;

m) Quý I hàng năm, xác định quỹ tiền lương kế hoạch, quỹ tiền lương thực hiện của năm trước liền kề, thống kê số liệu theo hướng dẫn tại Thông tư số 26/2016/TT-BLĐTBH ngày 01/9/2016 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, báo cáo Hội đồng thành viên Công ty phê duyệt.

n) Tổ chức xây dựng mới hoặc rà soát lại vị trí chức danh, công việc, thang lương, bảng lương, phụ cấp lương, tiền lương theo vị trí chức danh, công

việc, tiêu chuẩn chức danh, công việc, quy chế nâng lương, quy chế trả lương, quy chế thưởng của Công ty.

o) Tạm ứng tiền lương, quyết định việc xây dựng đơn giá tiền lương; thực hiện trả lương, tiền thưởng cho người lao động theo quy chế trả lương, quy chế thưởng của Công ty.

p) Định kỳ báo cáo Hội đồng thành viên tình hình lao động, tiền lương, tiền thưởng; cung cấp đầy đủ các báo cáo, tài liệu, số liệu về lao động, tiền lương, tiền thưởng theo yêu cầu của Kiểm soát viên.

q) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

3. Tiêu chuẩn, điều kiện của Giám đốc

a) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp 2020.

b) Có trình độ chuyên môn đào tạo từ đại học trở lên, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề hoạt động của Công ty.

c) Không phải là người có quan hệ gia đình của người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan đại diện chủ sở hữu, thành viên của Hội đồng thành viên, Phó Giám đốc, Kiểm soát viên, Kế toán trưởng Công ty.

d) Chưa từng bị cách chức Chủ tịch Hội đồng thành viên, thành viên Hội đồng thành viên, Giám đốc, Phó Giám đốc tại Công ty hoặc ở doanh nghiệp Nhà nước khác.

đ) Không được kiêm Giám đốc của doanh nghiệp khác.

e) Các tiêu chuẩn, điều kiện khác quy định tại Điều lệ Công ty.

Điều 22: Mối quan hệ giữa Hội đồng thành viên với Giám đốc trong quản lý, điều hành hoạt động Công ty

1. Khi tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng thành viên, nếu phát hiện thấy vấn đề không có lợi cho Công ty thì Giám đốc báo cáo với Hội đồng thành viên xem xét, điều chỉnh lại nghị quyết, quyết định. Hội đồng thành viên phải xem xét đề nghị của Giám đốc. Trường hợp Hội đồng thành viên không điều chỉnh lại nghị quyết, quyết định thì Giám đốc vẫn phải thực hiện nhưng được quyền kiến nghị lên Chủ sở hữu.

2. Giám đốc lập và gửi báo cáo bằng văn bản về kết quả thực hiện hoạt động sản xuất kinh doanh hàng quý, hàng năm và phương hướng thực hiện trong kỳ tới của Công ty cho Hội đồng thành viên; báo cáo đột xuất về các vấn đề quản trị, tổ chức quản lý điều hành của Công ty theo yêu cầu của Hội đồng thành viên.

3. Giám đốc mời Chủ tịch Hội đồng thành viên hoặc người được Chủ tịch Hội đồng thành viên ủy quyền tham dự các cuộc họp giao ban, cuộc họp chuẩn bị báo cáo, đề án trình Hội đồng thành viên do Giám đốc chủ trì. Chủ tịch Hội đồng thành viên hoặc người đại diện Hội đồng thành viên có quyền phát biểu ý

kiến nhưng không có quyền kết luận cuộc họp.

4. Giám đốc khi được mời tham dự cuộc họp của Hội đồng thành viên và được quyền phát biểu ý kiến nhưng không có quyền biểu quyết, trừ trường hợp Giám đốc là thành viên Hội đồng thành viên.

Điều 23. Người đại diện theo pháp luật

1. Chủ tịch Hội đồng thành viên là người đại diện theo pháp luật của Công ty theo quy định của Điều lệ này.

2. Người đại diện theo pháp luật của Công ty phải thường trú tại Việt Nam; trường hợp vắng mặt quá 30 ngày tại Việt Nam thì phải làm giấy uỷ quyền cho người khác làm đại diện theo pháp luật của Công ty.

Điều 24. Người quản lý và bộ máy giúp việc

1. Người quản lý Công ty, gồm: Chủ tịch Hội đồng thành viên, thành viên Hội đồng thành viên, , Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng.

2. Giúp việc cho Hội đồng thành viên, Giám đốc Công ty là các Phó Giám đốc. Phó Giám đốc điều hành một hoặc một số lĩnh vực hoạt động của Công ty theo sự phân công của Chủ tịch Hội đồng thành viên, Giám đốc Công ty và chịu trách nhiệm trước Hội đồng thành viên, Chủ tịch Hội đồng thành viên, Giám đốc Công ty và trước pháp luật về thực hiện nhiệm vụ được giao, được ủy quyền.

3. Kế toán trưởng giúp Hội đồng thành viên, Chủ tịch Hội đồng thành viên, Giám đốc Công ty chỉ đạo tổ chức, thực hiện công tác kế toán, thống kê của Công ty. Quyền hạn, trách nhiệm của Kế toán trưởng tuân thủ theo quy định của Luật Kế toán và các quy định khác có liên quan.

4. Các phòng ban chuyên môn, nghiệp vụ, trạm, cụm trong Công ty có chức năng tham mưu, giúp việc cho Hội đồng thành viên, Chủ tịch Hội đồng thành viên, Giám đốc, Phó Giám đốc theo nhiệm vụ được phân công và tổ chức thực hiện nhiệm vụ theo quy định.

5. Các chi nhánh, đơn vị, bộ phận trực thuộc của Công ty thực hiện công việc theo nhiệm vụ được phân công, phân cấp.

Chương V

QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG

QUẢN LÝ LAO ĐỘNG TẠI CÔNG TY

Điều 25. Quyền của người lao động tại Công ty

1. Người lao động có quyền tham gia quản lý Công ty thông qua các hình thức và tổ chức sau:

- a) Hội nghị đại biểu hoặc toàn thể người lao động Công ty.
- b) Hệ thống tổ chức, các đơn vị trực thuộc Công ty.
- c) Tổ chức Công đoàn cơ sở Công ty.

d) Ban Thanh tra nhân dân.

đ) Thực hiện quyền kiến nghị, khiếu nại, tố cáo theo quy định của pháp luật.

2. Người lao động hoặc đại diện người lao động, được tham gia thảo luận, góp ý kiến trước khi Chủ tịch Hội đồng thành viên, Giám đốc công ty ra quyết định các vấn đề sau đây:

a) Phương hướng nhiệm vụ và các giải pháp sắp xếp, tổ chức lại để phát triển sản xuất kinh doanh, sắp xếp bố trí lại lao động của Công ty.

b) Chuyển đổi mô hình tổ chức hoạt động và chuyển đổi sở hữu Công ty.

c) Các nội quy, quy chế, thoả ước lao động tập thể của Công ty liên quan đến quyền lợi và nghĩa vụ của người lao động.

d) Các biện pháp bảo hộ lao động, điều kiện làm việc, vật chất, tinh thần, vệ sinh an toàn, bảo vệ môi trường, phòng chống cháy nổ, đào tạo và đào tạo lại cán bộ và người lao động trong Công ty.

đ) Bỏ phiếu thăm dò tín nhiệm để bổ nhiệm cán bộ theo quy định hiện hành.

3. Được hưởng đầy đủ các quyền lợi theo quy định của pháp luật về lao động theo quy định Bộ luật Lao động, Luật Bảo hiểm xã hội.

4. Thực hiện các quyền khác theo quy định của Bộ luật Lao động và các quy định của pháp luật khác có liên quan.

Điều 26. Nghĩa vụ của người lao động

1. Thực hiện đúng nội dung hợp đồng lao động đã ký; thực hiện nghiêm túc các nội quy, quy chế, cam kết, thoả ước lao động tập thể và các quy định khác có liên quan.

2. Chấp hành nghiêm chỉnh các chỉ thị, nghị quyết, quyết định, các biện pháp, giải pháp của Công ty trong quá trình tổ chức và điều hành đơn vị.

3. Tham gia đầy đủ các buổi sinh hoạt định kỳ, đột xuất do Công ty triệu tập; tích cực tham gia đóng góp ý kiến, đề cao tinh thần đấu tranh tự phê bình và phê bình.

4. Thực hiện nghiêm chỉnh Luật Phòng, chống tham nhũng, Luật thực hiện tiết kiệm, chống lãng phí và cam kết thi đua của đơn vị.

5. Cán bộ và người lao động có nghĩa vụ không ngừng học tập nâng cao trình độ chính trị, chuyên môn, trình độ tin học - công nghệ thông tin, ngoại ngữ...

6. Không ngừng học tập rèn luyện phẩm chất đạo đức, lối sống, văn hoá văn nghệ, thể dục thể thao để trở thành người cán bộ, đảng viên phát triển toàn diện.

7. Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định hiện hành của Bộ Luật Lao động, các quy định pháp luật khác có liên quan và Điều lệ Công ty.

Điều 27. Quản lý lao động

1. Người lao động được tuyển dụng vào làm việc tại Công ty theo chế độ hợp đồng lao động, được hưởng các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ Luật Lao động, Điều lệ Công ty, nội quy lao động, thỏa ước lao động, quy chế tiền lương, tiền thưởng của Công ty và các quy định khác của pháp luật hiện hành có liên quan.

2. Giám đốc Công ty là người quyết định tuyển dụng lao động trên cơ sở người lao động có trình độ học vấn và trình độ chuyên môn phù hợp với yêu cầu công việc cần tuyển dụng.

Điều 28. Quan hệ người lao động trong Công ty

Thực hiện theo quy định Bộ Luật Lao động năm 2019 và các quy định khác của pháp luật về lao động.

Chương VI

KẾ HOẠCH, TÀI CHÍNH KẾ TOÁN CÔNG TY

Điều 29. Quản lý vốn, tài sản tại Công ty

Việc quản lý vốn và tài sản tại Công ty thực hiện theo quy định tại Mục 1 Chương III của Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015; Khoản 6, 7, 8, 9, 10 Điều 1 Nghị định số 32/2018/NĐ-CP ngày 08/3/2018 của Chính phủ; Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp và các quy định sau:

1. Công ty phải xây dựng và ban hành quy chế nội bộ để quản lý, sử dụng các loại tài sản của Công ty; quy chế phải xác định rõ việc phối hợp của từng bộ phận quản lý trong Công ty, quy định rõ trách nhiệm bồi thường của từng bộ phận, cá nhân đối với các trường hợp làm hư hỏng, mất mát, gây tổn thất tài sản, thiệt hại cho Công ty.

2. Bảo toàn vốn của Công ty: Công ty áp dụng các biện pháp bảo toàn vốn theo quy định tại khoản 2 Điều 22 Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính phủ; Điều 35 Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp để bảo toàn vốn Nhà nước đầu tư tại Công ty.

Trong đó:

a) Việc trích lập các khoản dự phòng rủi ro: dự phòng giảm giá hàng tồn kho, dự phòng các khoản phải thu khó đòi, dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính và dự phòng bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp, Công ty thực hiện theo quy định tại các Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08/8/2019, và các Thông tư sửa đổi, bổ sung, thay thế.

b) Lãi, lỗ của doanh nghiệp làm căn cứ đánh giá mức độ bảo toàn vốn quy định tại Khoản 3 Điều 22 Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính phủ là số chênh lệch giữa tổng doanh thu và thu nhập khác trừ (-) tổng các khoản chi phí phát sinh trong hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh

nghiệp (bao gồm cả khoản trích lập dự phòng theo quy định). Trường hợp số chênh lệch dương thì Công ty có lãi; trường hợp số chênh lệch âm thì Công ty bị lỗ; trường hợp không có chênh lệch thì Công ty không phát sinh lãi, lỗ.

c) Việc quản lý, xác định doanh thu, thu nhập khác và chi phí để xác định lãi, lỗ (kết quả kinh doanh) của Công ty làm căn cứ đánh giá mức độ bảo toàn vốn thực hiện theo quy định tại Điều 30 Nghị định số 91/2015/NĐ-CP và chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành do Bộ Tài chính ban hành.

Điều 30. Xây dựng kế hoạch tài chính

Việc xây dựng kế hoạch tài chính của Công ty thực hiện theo quy định tại Điều 33 Nghị định số 91/2015/NĐ-CP và quy định sau:

1. Định kỳ hàng năm, Công ty xây dựng kế hoạch tài chính của năm tiếp theo gửi đến cơ quan đại diện chủ sở hữu và cơ quan tài chính cùng cấp trước ngày 31/7 hàng năm để tổng hợp lập dự toán ngân sách Nhà nước. Căn cứ lập, trình tự xây dựng kế hoạch tài chính thực hiện theo quy định tại Điều 33 Nghị định số 91/2015/NĐ-CP của Chính phủ.

2. Biểu mẫu báo cáo tài chính của Công ty được lập theo quy định hiện hành.

Điều 31. Kiểm kê và xử lý kết quả kiểm kê tài sản tại Công ty

1. Công ty phải tổ chức kiểm kê thực tế để xác định số lượng các loại tài sản ngắn hạn, tài sản dài hạn thuộc quyền quản lý, sử dụng của Công ty; đối chiếu các khoản công nợ phải trả, phải thu trong các trường hợp sau:

a) Thời điểm khóa sổ kế toán để lập báo cáo tài chính năm;

b) Khi thực hiện quyết định của cấp có thẩm quyền chia, tách, sát nhập, hợp nhất, chuyển đổi sở hữu;

c) Sau khi xảy ra thiên tai, địch họa hoặc vì các nguyên nhân khác gây ra biến động tài sản của Công ty;

d) Theo chủ trương của Nhà nước.

2. Xử lý kết quả kiểm kê:

a) Xử lý kết quả kiểm kê tại thời điểm lập báo cáo tài chính năm:

- Trường hợp kết quả kiểm kê thiếu tài sản so với số tài sản đã ghi vào sổ sách kế toán nếu do nguyên nhân chủ quan của tập thể, cá nhân có liên quan gây ra thì tập thể, cá nhân gây ra phải bồi thường. Hội đồng thành viên, Giám đốc Công ty quyết định mức bồi thường và chịu trách nhiệm về quyết định của mình. Giá trị tài sản bị thiếu sau khi đã được bù đắp bằng tiền bồi thường của tập thể, cá nhân (hoặc giá trị tài sản thiếu do nguyên nhân khách quan) phần còn lại (nếu có) Công ty được hạch toán vào chi phí sản xuất kinh doanh của Công ty.

- Trường hợp kết quả kiểm kê thừa tài sản so với số tài sản đã ghi vào sổ sách kế toán, Công ty phải xác định rõ nguyên nhân thừa tài sản; đối với tài sản

thừa không phải trả lại được hạch toán vào thu nhập khác của Công ty; đối với tài sản thừa chưa xác định rõ nguyên nhân thì hạch toán vào phải trả, phải nộp khác; trường hợp giá trị tài sản thừa đã xác định được nguyên nhân và có biên bản xử lý thì căn cứ vào quyết định xử lý để hạch toán cho phù hợp.

b) Việc xử lý kết quả kiểm kê theo quy định tại điểm b, c và d Khoản 1 Điều này thực hiện theo quy định của pháp luật đối với từng trường hợp kiểm kê cụ thể.

c) Công ty có trách nhiệm xử lý kịp thời các khoản tổn thất tài sản, công nợ; trường hợp để các khoản tổn thất tài sản, công nợ không được xử lý thì Hội đồng thành viên, Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh như trường hợp báo cáo không trung thực tình hình tài chính Công ty và chịu trách nhiệm trước pháp luật về vi phạm gây tổn thất tài sản của Công ty.

Điều 32. Năm tài chính và báo cáo tài chính của Công ty

1. Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào cuối ngày 31 tháng 12 năm dương lịch; riêng năm đầu tiên tính từ ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và kết thúc vào cuối ngày 31 tháng 12 dương lịch năm đó.

2. Công ty thực hiện hạch toán theo hệ thống tài khoản, chế độ chứng từ theo quy định của Luật kế toán, Luật quản lý, sử dụng vốn Nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp và các hướng dẫn của Bộ Tài chính.

3. Chế độ tài chính thực hiện theo cơ chế tài chính áp dụng đối với Công ty TNHH một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu theo Thông tư số 36/2021/TT-BTC ngày 26/5/2021 hướng dẫn một số nội dung về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp quy định tại Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015; Nghị định số 32/2018/NĐ-CP ngày 08/3/2018; Nghị định số 121/2020/NĐ-CP ngày 09/10/2020; Nghị định số 140/2020/NĐ-CP ngày 30/11/2020 và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

4. Chế độ báo cáo và tổng hợp báo cáo:

a) Công ty phải thực hiện chế độ lập, trình bày, gửi các báo cáo (định kỳ, đột xuất) đến cơ quan đại diện chủ sở hữu và cơ quan quản lý Nhà nước theo quy định tại Điều 35 Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính phủ.

b) Biểu mẫu, thời hạn nộp và nơi nhận báo cáo, Công ty thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp, chuẩn mực kế toán Việt Nam và Thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán do Bộ Tài chính ban hành; các báo cáo khác thực hiện theo quy định tại Thông tư số 36/2021/TT-BTC ngày 26/5/2021 của Bộ Tài chính.

Điều 33. Tiền lương, thù lao, tiền thưởng của người quản lý và kiểm soát viên

1. Tiền lương, thù lao, tiền thưởng thực hiện theo quy định tại Nghị định số 52/2016/NĐ-CP ngày 13/6/2016 của Chính phủ về tiền lương, thù lao, tiền thưởng của người quản lý công ty TNHH một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ và Thông tư số 27/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/9/2016 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện chế độ tiền lương, thù lao, tiền thưởng của người quản lý công ty TNHH một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.

2. Khi có sự thay đổi của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thì thực hiện theo quy định hiện hành.

Điều 34. Phân phối lợi nhuận của Công ty

1. Lợi nhuận của Công ty sau khi bù đắp lỗ năm trước theo quy định của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp, trích quỹ phát triển khoa học công nghệ theo quy định của pháp luật, nộp thuế thu nhập doanh nghiệp, phần lợi nhuận còn lại được phân phối theo quy định tại Điều 31 Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 và Điều 2 Nghị định số 32/2018/NĐ-CP ngày 03/8/2018 của Chính phủ.

2. Căn cứ để trích lập quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi, quỹ thưởng người quản lý Công ty, Kiểm soát viên xác định như sau:

a) Về xếp loại Công ty A, B, C làm căn cứ trích lập các quỹ thực hiện theo quy định của Chính phủ về giám sát đầu tư vốn Nhà nước vào doanh nghiệp; giám sát tài chính đánh giá hiệu quả hoạt động và công khai thông tin tài chính của doanh nghiệp Nhà nước và doanh nghiệp có vốn Nhà nước và Thông tư hướng dẫn của Bộ Tài chính.

b) Về tiền lương tháng thực hiện làm căn cứ trích lập các quỹ:

- Đối với trích quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi Công ty: căn cứ quỹ tiền lương thực hiện trong năm tài chính của người lao động của Công ty được xác định theo quy định tại Nghị định số 51/2016/NĐ-CP ngày 13/6/2016 của Chính phủ về quản lý lao động, tiền lương và tiền thưởng đối với người lao động làm việc trong Công ty do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ hoặc các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có) chia (:) cho 12 tháng.

- Đối với trích quỹ thưởng người quản lý Công ty, Kiểm soát viên: căn cứ quỹ tiền lương, thù lao thực hiện của viên chức quản lý (chuyên trách và không chuyên trách) được xác định theo quy định của Nghị định số 52/2016/NĐ-CP ngày 13/6/2016 của Chính phủ quy định tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với người quản lý Công ty do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có), chia (:) cho 12 tháng.

Chương VII

TỔ CHỨC LẠI, CHUYỂN ĐỔI, TỔ TỤNG TRANH CHẤP, GIẢI THỂ, PHÁ SẢN

Điều 35. Tổ chức lại

Việc tổ chức lại, sát nhập hoặc giải thể do Hội đồng thành viên Công ty đề

ngợi UBND tỉnh xem xét quyết định hoặc do UBND tỉnh quyết định trên cơ sở chủ trương, kế hoạch của Nhà nước.

Điều 36. Chuyển đổi Công ty

1. Công ty chuyển đổi sang mô hình sở hữu khác khi:

a) Chủ sở hữu quyết định chuyển một phần vốn điều lệ của tổ chức, cá nhân khác sang Công ty; lúc đó Công ty sẽ phải chuyển sang Công ty TNHH hai thành viên trở lên.

b) Chủ sở hữu quyết định chuyển toàn bộ vốn điều lệ cho tổ chức khác.

c) Giao Công ty cho tập thể người lao động; cổ phần hoá Công ty; chuyển đổi Công ty TNHH hai thành viên trở lên.

2. Trình tự, thủ tục chuyển đổi theo quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 37. Tổ tụng tranh chấp

1. Tranh chấp nội bộ: tranh chấp nội bộ có thể được giải quyết trên phương thức tự thỏa thuận nội bộ, trường hợp không giải quyết được sẽ thông qua cơ quan pháp luật có thẩm quyền.

2. Tranh chấp bên ngoài: Công ty có quyền bình đẳng trước pháp luật với mọi pháp nhân, thể nhân khi có tố tụng tranh chấp; đại diện hợp pháp của Công ty sẽ đại diện cho Công ty trước pháp luật.

Điều 38. Giải thể Công ty

1. Công ty giải thể trong các trường hợp sau:

a) Hết thời hạn hoạt động ghi trong Điều lệ này mà không có quyết định gia hạn, hoặc xin gia hạn nhưng không được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền chấp thuận.

b) Theo quyết định của Chủ sở hữu.

c) Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

2. Công ty giải thể khi đảm bảo thanh toán hết các khoản nợ sau:

a) Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội theo quy định của pháp luật và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết.

b) Nợ thuế và các khoản nợ khác; sau khi thanh toán hết các khoản nợ và chi phí giải thể Công ty, phần còn lại thuộc về Chủ sở hữu công ty.

3. Trình tự, thủ tục giải thể Công ty theo quy định tại Luật doanh nghiệp và các văn bản luật khác.

Điều 39. Phá sản

Việc phá sản Công ty thực hiện theo thủ tục của pháp luật về phá sản Doanh nghiệp.

Chương VIII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 40. Hiệu lực thi hành

Điều lệ này có hiệu lực kể từ ngày Cơ quan đại diện chủ sở hữu Công ty ban hành.

Điều 41. Phạm vi thi hành:

1. Cơ quan đại diện chủ sở hữu, Công ty, các đơn vị và cá nhân có liên quan có trách nhiệm tuân thủ các quy định tại Điều lệ Công ty.
2. Các Quy chế nội bộ của Công ty phải tuân thủ nguyên tắc, nội dung của Điều lệ.
3. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được quy định tại Điều lệ hoặc trong trường hợp có quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ thì áp dụng các quy định của pháp luật để điều chỉnh hoạt động của Công ty.

Điều 42. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ

Trong quá trình thực hiện, xét thấy cần thiết phải sửa đổi, bổ sung Điều lệ, Chủ tịch Hội đồng thành viên đề nghị Sở Kế hoạch và Đầu tư để thẩm định, báo cáo, trình UBND tỉnh xem xét, quyết định./.

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH